

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12- ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 10- 7- 2026

V/v: Không công nhận quan
hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huệ

Bà Lê Thị Thận

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Như Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 257/2026/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2026 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2026/QĐST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm 1975

Nơi đăng ký thường trú: Ấp 1, xã A, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã C, thành phố Đồng Nai (nay là thôn D, xã C, thành phố Đồng Nai).

Bị đơn: Ông Trần Hồng V, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, thành phố Đồng Nai (nay là thôn G, xã E, thành phố Đồng Nai).

(Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị N và ông Trần Hồng V đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2021 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, giữa bà N và ông V phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên cuối năm 2025, bà N không còn sống cùng ông V. Do đó, bà N yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông V.

Về con chung: Bà N và ông V có 01 người con chung là cháu Trần Hồng A, sinh ngày 31/12/2021. Hiện nay cháu A đang do bà N nuôi dưỡng và cháu A đang điều trị bệnh tăng động, chậm nói nên bà N đề nghị Tòa án giao cháu A cho bà N được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01 đến ngày 10 hằng tháng, thời điểm cấp dưỡng khi có bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông V không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Hồng V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông V và bà N chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2021 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa bà N và ông V không có mâu thuẫn nhưng cuối năm 2025 bà N tự bỏ đi, không còn sống cùng ông V. Ông V xác định ông V và bà N chỉ ở chung với nhau chứ không tồn tại quan hệ hôn nhân nên bà N yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông V thì ông V đồng ý.

Về con chung: Ông V và bà N có 01 người con chung là cháu Trần Hồng A, sinh ngày 31/12/2021. Ông V đồng ý giao cháu Trần Hồng A cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông V đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu A với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng từ ngày 01 đến ngày 10 hằng tháng; thời điểm cấp dưỡng khi có bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Phan Thị N và bị đơn ông Trần Hồng V đều vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- Đồng Nai có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn vì đã có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị N với ông Trần Hồng V.

Về con chung: Giao cháu Trần Hồng A, sinh ngày 31/12/2021 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Về vấn đề cấp dưỡng: Buộc ông Trần Hồng V phải cấp dưỡng nuôi cháu A với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng từ ngày 01 đến ngày 10 hằng tháng; thời điểm cấp dưỡng là khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí nguyên đơn, bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của bà Phan Thị N yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Trần Hồng V. Hiện ông V đang cư trú tại thôn 4, xã Bom Bo, thành phố Đồng Nai. Hội đồng xét xử xét thấy tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12- Đồng Nai.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, bà N và ông V đã có bản tự khai và biên bản lấy lời khai, đồng thời có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị N và ông Trần Hồng V xác định bà N và ông V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2021 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, tuy nhiên bà N và ông V đã không còn chung sống với nhau từ năm 2025 cho đến nay. Nay bà N và ông V cùng thống nhất đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai bên. Do đó, căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông V.

[4] Về con chung: Ông V và bà N có 01 người con chung là cháu Trần Hồng A, sinh ngày 31/12/2021. Hiện nay cháu A đang được bà N trực tiếp nuôi dưỡng và hiện cháu A đang điều trị bị bệnh (bệnh tự kỷ, rối loạn tăng động) rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa, ông V cũng đồng ý giao cháu A cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu A cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

[5] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà N yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi cháu A với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Ông V đồng ý cấp dưỡng cho cháu A số tiền 2.000.000 đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng từ ngày 01 đến ngày 10 hằng tháng; thời điểm cấp dưỡng là khi có bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Do đó, nên cần ghi nhận sự tự nguyện của ông V.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông V không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, buộc nguyên đơn bà N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông Trần Hồng V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 14; Điều 51; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị N với ông Trần Hồng V.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hồng A, sinh ngày 31/12/2021 cho bà Phan Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Hồng V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Hồng A, sinh ngày 31/12/2021 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi; thời gian cấp dưỡng từ ngày 01 đến ngày 10 hằng tháng; thời điểm cấp dưỡng là khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông V không có, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Phan Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0012307 ngày 26/5/2026 của Thị hành án dân sự thành phố Đồng Nai. Ông Trần Hồng V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12- Đồng Nai;
- THADS khu vực 12- Đồng Nai;
- UBND xã Bom Bo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào